

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04 /OFV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3553700

Mã số doanh nghiệp: 3700667933

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận “Chứng nhận hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000” cho cơ sở sản xuất:

Địa chỉ	Nơi cấp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina. Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	SGS	VN21/00045	Hiệu lực từ 28/02/2022 đến 27/02/2025.
Chi nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina. Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.	SGS	VN20/00109	Hiệu lực từ 01/04/2024 đến 31/03/2027.



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bánh ChocoPie

2. Thành phần: bột mì, đường, mạch nha glucose, shortening thực vật (có chứa chất nhũ hóa (471)), chất béo thực vật (có chứa chất nhũ hóa (492, 322(i))), bột cacao (2,8%), sữa bột nguyên kem, trứng, chất tạo xốp (500(ii), 503(ii)), đường dextrose, gelatin, muối, hỗn hợp bột cacao và bơ cacao (0,2%), chất ổn định (1442, 415), chất điều chỉnh độ acid (341(i)), hương liệu tổng hợp (vani), chất nhũ hóa (322(i), 476), muối i-ốt, protein sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: được in trên bao bì (ngày/ tháng/ năm).

Hạn sử dụng: 10 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 36,3 g/ gói.
 - + Quy cách hộp 2 gói: 36,3 g/ gói x 2 gói/ hộp x 12 hộp/ lốc x 4 lốc/ thùng.
 - + Quy cách hộp 6 gói: 36,3 g/ gói x 6 gói/ hộp x 16 hộp/ thùng.
 - + Quy cách hộp 8 gói: 36,3 g/ gói x 8 gói/ hộp x 16 hộp/ thùng.
 - + Quy cách túi 8 gói: 36,3 g/ gói x 8 gói/ túi x 10 túi/ thùng.
 - + Quy cách hộp 12 gói: 36,3 g/ gói x 12 gói/ hộp x 8 hộp/ thùng.
 - + Quy cách hộp 16 gói (8 hộp nhỏ x 2 gói): 36,3 g/ gói x 16 gói/ hộp x 8 hộp/ thùng.
 - + Quy cách hộp 16 gói: 36,3 g/ gói x 16 gói/ hộp x 8 hộp/ thùng hoặc 36,3 g/ gói x 16 gói/ hộp x 6 hộp/ thùng.
 - + Quy cách hộp 20 gói: 36,3 g/ gói x 20 gói/ hộp x 8 hộp/ thùng.
 - + Quy cách thùng 48 gói: 36,3 g/ gói x 48 gói/ thùng.
 - + Quy cách thùng 100 gói: 36,3 g/ gói x 100 gói/ thùng.
- Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm: OPP/ VMCPP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

5.1. Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: (M) Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5.2. Chi nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina

Địa chỉ: (Y) Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Chú thích (M), (Y): Ký hiệu địa chỉ nơi sản xuất, được in bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

Nhãn sản phẩm phù hợp với nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về nhãn hàng hóa, nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP, thông tư số 24/2019/TT-BYT và thông tư 17/2023/TT-BYT có hiệu lực từ ngày 09/11/2023 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tham khảo nhóm
1	Chì	ppm	$\leq 0,2$	Ngũ cốc
2	Cadimi	ppm	$\leq 0,2$	Lúa mì
3	Arsen	ppm	$\leq 1,0$	Đường
4	Thủy ngân	ppm	$\leq 0,05$	Đường

2. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** QCVN 8-1:2011/BYT_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên độc tố vi nấm	Đơn vị tính	Mức công bố	Tham khảo nhóm
1	Aflatoxin B1	ppb	≤ 2	Các loại ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm cả sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến (không bao gồm các sản phẩm quy định tại mục 1.7; 1.10; 1.12)
2	Aflatoxin tổng số (Aflatoxin B1, B2, G1, G2)	ppb	≤ 4	
3	Ochratoxin A	ppb	≤ 3	Ngũ cốc sử dụng làm thực phẩm, các sản phẩm từ ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến) (không bao gồm các sản phẩm quy định tại phần 2.9 và 2.10)
4	Zearalenone	ppb	≤ 50	Bánh mì, bánh nướng, bánh quy, bánh snack và đồ ăn điểm tâm từ ngũ cốc (không bao gồm bánh snack và đồ ăn điểm tâm từ ngô).
5	DON (Deoxynivalenol)	ppb	≤ 500	Bánh mì, bánh nướng (pastries), bánh quy, bánh snack và đồ ăn điểm tâm (breakfast) từ ngũ cốc.
6	Aflatoxin M1	ppb	$\leq 0,5$	Sữa và các sản phẩm từ sữa (bao gồm cả sữa nguyên liệu).

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	$\leq 10^4$
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	≤ 10
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	≤ 10
4	Tổng số tế bào nấm men, nấm mốc	cfu/g	$\leq 10^2$
5	<i>Salmonella</i>	cfu/25g	Không có

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

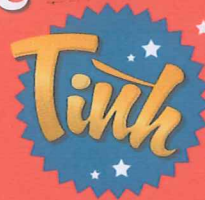
GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

(Ký tên, đóng dấu)



MAI THỊ THÊM





* KHỐI LƯỢNG TÍNH: **72,6 g (2 GÓI X 36,3 g)**

hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi km.

Chất béo	6 g
----------	-----

SDT-1900 63.36.37

8 936036 020403

0 956999 929488

BÁNH CHOCOPIE

- THÀNH PHẦN: BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHũ HỮA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHũ HỮA (492, 322(ii))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BƠ CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(i)), HƯƠNG LIỀU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHũ HỮA (322(i), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU: SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- NGÀY SẢN XUẤT: ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YẾN PHONG, XÃ YẾN TRUNG, HUYỆN YẾN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
- KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BÀN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GỎI.
- KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SO VỚI GỎI 33 g.

• KHỐI LƯỢNG TÍNH: 72,6 g (2 GỎI X 36,3 g)

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần

Năng lượng 160 kcal

Chất béo 6 g

Natri 110 mg

Carbohydrat 24 g

Đường tổng số 12 g

Chất đạm 24 g



Mọi thông tin về sản phẩm vui lòng liên hệ từ
8h00 - 17h00 hàng ngày (trừ thứ Bảy, Chủ
nhật và ngày lễ): SĐT: 1900.63.36.37



8 936036 020403



THÊM 0% KHỐI LƯỢNG



Chocologie

ORION



ORION®

ChocoPie



ORION®

ChocoPie



10%^{THÊM}  **KHỐI LƯỢNG**

6 GÓI
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 217,8 g

ORION®
Chocovie®

LYON NABAYARD

Chocorie



BÁNH CHOCOPIE

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần

Call 1-800-222-2222

1

217,8 g (6 GÓI X 36,3 g)



8 936036 020373



BÁNH CHOCOPIE

- **THÀNH PHẦN:** BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHũ HÓA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHũ HÓA (492, 322(i))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XÓP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ SỮA CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(i)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHũ HÓA (322(ii), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- **SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU:** SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- **NGÀY SẢN XUẤT:** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- **HẠN SỬ DỤNG:** 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.
- KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SO VỚI GÓI 33 g.



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần
Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g

KHỐI LƯỢNG TỊNH:

217,8 g (6 GÓI X 36,3 g)



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ):

SĐT: 1900.63.36.37





ORION[®]
ChocoPie
Bánh ChocoPie

Tinh

PHIÊN BẢN
ĐẶC BIỆT



8 gói
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 290,4g
10%^{THÊM}
KHỐI LƯỢNG

CO_CHOCOPIE_PROD_BP_2501

ORION[®]
ChocoPie **Tinh**

ORION[®]
ChocoPie
Bánh ChocoPie

PHIÊN BẢN
ĐẶC BIỆT



10%^{THÊM}
KHỐI LƯỢNG

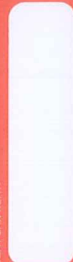
8 GÓI
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 290,4g

ORION[®]
ChocoPie

Tinh

Tinh

NGÀY SẢN XUẤT:



HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

ORION[®]
ChocoPie

BÁNH CHOCOPIE

ChocoPie là sản phẩm được sản xuất theo công thức độc quyền của Orion Việt Nam. Sản phẩm này không chứa chất bảo quản, hương liệu nhân tạo, màu nhân tạo. Sản phẩm được đóng gói trong môi trường vô khuẩn để đảm bảo độ tươi ngon và an toàn cho người tiêu dùng.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG	
Calories	1000
Protein	10
Carbohydrate	100
Fat	10
Sugar	10
Salt	10

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 290,4 g (8 GÓI X 36,3 g)



BÁNH CHOCOPIE



- **THÀNH PHẦN:** BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHŨ HÓA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHŨ HÓA (492, 322(i))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KÉM, TRUNG CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BƠ CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(i)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHŨ HÓA (322(i), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- **SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU:** SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- **NGÀY SẢN XUẤT:** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- **HẠN SỬ DỤNG:** 10 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
- **KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.**
- **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**
- **XUẤT XỨ:** VIỆT NAM.

- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.
 - KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SO VỚI GÓI 33 g.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần
Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g

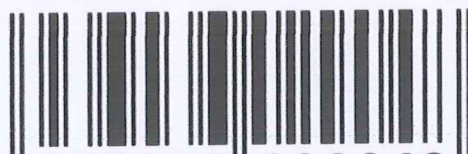
KHỐI LƯỢNG TÍNH:

290,4 g (8 GÓI X 36,3 g)



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ
THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ):

SĐT: 1900.63.36.37



8 936036 029048



BÁNH CHOCOPIE

ORION®
ChocoPie®
Bánh ChocoPie



10%^{THÊM}
KHỐI LƯỢNG

8 gói
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 290,4g

ORION®
ChocoPie®
Tinh

ORION®
ChocoPie®
Bánh ChocoPie



10%^{THÊM}
KHỐI LƯỢNG

8 gói
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 290,4g

QUA THE ORION DƯỠNG

Hàng trong: 1.000.000

290,4g (8 gói x 36,3g)



BÁNH CHOCOLIP

- THÀNH PHẦN: BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHỎ, SUCROSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (492, 322(i))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BỘT CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(i)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHỮ HÓA (322(i), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU: SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- NGÀY SẢN XUẤT: ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).
- HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.
- KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SO VỚI GÓI 33 g.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần
Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g

- SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YẾN PHONG, XÃ YẾN TRUNG, HUYỆN YẾN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ẨM NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- HÌNH ẢNH TRÊN BAO BÌ MANG TÍNH MINH HỌA.
- KHỐI LƯỢNG TÍNH:

290,4 g (8 GÓI X 36,3 g)



Mọi thông tin về sản phẩm vui lòng
liên hệ từ 8h00 - 17h00 hàng ngày (trừ
thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ)
SĐT: 1900.63.36.37



8 936036 029048



12 gói KHỐI LƯỢNG TÍNH: 435,6 g

10%^{THÊM} KHỐI LƯỢNG

ChocoPie ORION **Tinh** Bánh ChocoPie

CP_ORI_CASE12P_2412

ChocoPie ORION **Tinh**

ChocoPie ORION **Tinh** Bánh ChocoPie

10%^{THÊM} KHỐI LƯỢNG

12 GÓI KHỐI LƯỢNG TÍNH: 435,6 g



ChocoPie ORION

HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

ChocoPie ORION **Tinh**

BÁNH CHOCOPIE

ORION thực phẩm là một trong những công ty sản xuất thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam, với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thực phẩm. Sản phẩm của chúng tôi luôn đạt được sự tin tưởng và yêu thích của người tiêu dùng. Chúng tôi cam kết cung cấp những sản phẩm chất lượng cao, an toàn và ngon miệng. Sản phẩm này được sản xuất theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm. Sản phẩm này phù hợp cho mọi lứa tuổi và có thể sử dụng như một bữa ăn nhẹ hoặc điểm tâm. Sản phẩm này được đóng gói trong bao bì chống ẩm, đảm bảo giữ được hương vị và chất lượng của sản phẩm. Sản phẩm này được phân phối rộng rãi tại các siêu thị, cửa hàng thực phẩm và các điểm bán lẻ khác. Sản phẩm này có giá trị dinh dưỡng cao, cung cấp năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Sản phẩm này được sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP và HACCP. Sản phẩm này có hạn sử dụng 10 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm này được phân phối bởi Orion Food Company, Ltd. Sản phẩm này có mã vạch 8960361080960. Sản phẩm này được sản xuất tại Việt Nam.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG	
Khối lượng 1 gói (36,3 g)	
Năng lượng	160 kcal
Chất béo	10,0 g
Chất bột đường	22,0 g
Chất đạm	2,0 g
Chất xơ	0,5 g
Chất khoáng	0,5 g

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 435,6 g (12 GÓI X 36,3 g)

ORION thực phẩm là một trong những công ty sản xuất thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam, với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thực phẩm. Sản phẩm của chúng tôi luôn đạt được sự tin tưởng và yêu thích của người tiêu dùng. Chúng tôi cam kết cung cấp những sản phẩm chất lượng cao, an toàn và ngon miệng. Sản phẩm này được sản xuất theo quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm. Sản phẩm này phù hợp cho mọi lứa tuổi và có thể sử dụng như một bữa ăn nhẹ hoặc điểm tâm. Sản phẩm này được đóng gói trong bao bì chống ẩm, đảm bảo giữ được hương vị và chất lượng của sản phẩm. Sản phẩm này được phân phối rộng rãi tại các siêu thị, cửa hàng thực phẩm và các điểm bán lẻ khác. Sản phẩm này có giá trị dinh dưỡng cao, cung cấp năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Sản phẩm này được sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP và HACCP. Sản phẩm này có hạn sử dụng 10 tháng kể từ ngày sản xuất. Sản phẩm này được phân phối bởi Orion Food Company, Ltd. Sản phẩm này có mã vạch 8960361080960. Sản phẩm này được sản xuất tại Việt Nam.

SĐT: 1900.63.36.37

8960361080960



BÁNH CHOCOPIE

- **THÀNH PHẦN:** BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHŨ HÓA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHŨ HÓA (492, 322(i))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BƠ CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(i)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHŨ HÓA (322(i), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- **SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU:** SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- **NGÀY SẢN XUẤT:** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- **HẠN SỬ DỤNG:** 10 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**
- **XUẤT XỨ:** VIỆT NAM.
- **BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.**
- **DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.**
- **KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.**
- **(*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SO VỚI GÓI 33 g.**

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần

Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g

KHỐI LƯỢNG TỊNH:

435,6 g (12 GÓI X 36,3 g)



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ):
SĐT: 1900.63.36.37



8 936036 020380





16 GỖ
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 580,8g



10%
THÊM
KHỐI LƯỢNG

PHIÊN BẢN
GIỚI HẠN

ChocoPie[®]
ORION[®]

ORION[®]
ChocoPie[®] Tinh

ORION[®]
ChocoPie[®]
Bánh ChocoPie

PHIÊN BẢN
GIỚI HẠN



10%
THÊM
KHỐI LƯỢNG

16 GỖ
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 580,8g

ORION[®]
ChocoPie[®] Tinh

ORION[®]
ChocoPie[®]
HẠN SỬ DỤNG: 01 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT
NGÀY SẢN XUẤT:

BÁNH CHOCOPIE

Thành phần: Bột mì, đường, trứng, bơ, sữa, bột cacao, bột nở, muối, vani, hương liệu.
Cách bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ phòng, tránh ánh sáng trực tiếp.
Hạn sử dụng: 01 tháng kể từ ngày sản xuất.

Giá trị dinh dưỡng (tính cho 100g sản phẩm):
Năng lượng: 160 kcal
Chất béo: 10g
Carbohydrat: 20g
Protein: 2g

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG	
Chứa 16 gói (36,3g)	
Năng lượng	160 kcal
Chất béo	10g
Carbohydrat	20g
Protein	2g

Khối lượng tịnh: 580,8 g (16 GỖ x 36,3 g)
Mã vạch: 8 936029 421422

BÁNH CHOCOPIE

- THÀNH PHẦN: BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (492, 322(i))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BƠ CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(i)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHỮ HÓA (322(i), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU: SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐÀU NÀNH.
- NGÀY SẢN XUẤT: ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

• SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.

(M/LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, TỈNH PHẠO BÀN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YẾN PHONG, XÃ YẾN TRUNG, HUYỆN YẾN PHONG, TỈNH ĐẮC LÃNG, VIỆT NAM. KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.

• THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.

• XUẤT XỨ: VIỆT NAM.

• BẢO QUẢN NƠI KHÔ RẢO, THÔNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.

• DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.

• KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.

(*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SƠ VỚI GÓI 33 g



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần
Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g

KHỐI LƯỢNG TÍNH:

580,8 g (16 GÓI x 36,3 g)



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY (TRỪ
THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ).

SĐT: 1900.63.36.37





ORION
Chocovie
Bánh Chocovie

CP OR OUTERCASE14P 3412

BÁNH CHOCOPIE

- **THÀNH PHẦN:** BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHẢY, GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỰ HÓA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỰ HÓA (492, 322(i))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRUNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BỘT CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(i)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANIL), CHẤT NHỰ HÓA (322(i), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- **SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU:** SỮA, LÚA MÌ, TRUNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- **NGÀY SẢN XUẤT:** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- **HẠN SỬ DỤNG:** 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA**
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.
- KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SƠ VỚI GÓI 33 g.

• **KHỐI LƯỢNG TÍNH: 580,8 g (8 Hộp x 72,6 g)**

• NSX:

HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần

Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g



Mọi thông tin về sản phẩm vui lòng
liên hệ từ 8h00 - 17h00 hàng ngày
(trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ):
SĐT: 1900.63.36.37

không chất sắc dục không chất tạo lập nên tạo

8 936036 020397



BÁNH CHOCOPIE

- THÀNH PHẦN: BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA, GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (492, 322(ii))), BỘT CACAO (2.8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG, DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BỘT CACAO (0.2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(ii)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHỮ HÓA (322(i), 476), MUỐI-ÔT, PROTEIN SỮA.
- SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU: SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- NGÀY SẢN XUẤT: ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.

- SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, THƯỜNG MỸ PHƯỚC, THANH PHỐ ĐEN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YẾN PHONG, XÃ YẾN TRUNG, HUYỆN YẾN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT, TRÁNH ANH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.
- KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SƠ VỚI GÓI 33 g.



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần
Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g

KHỐI LƯỢNG TÍNH:

726 g (20 GÓI X 36,3 g)



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ):
SĐT: 1900.63.36.37





VẬN CHUYỂN NHÉ TAY

BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO,
THOÁNG MÁT

VN48

ORION®
Chocopie®
Bánh Chocopie

THÀNH PHẦN: 10% SỮA

25

48

1.7424 kg (48 gói x 36,3 g)

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

ORION®
Chocopie®
Bánh Chocopie

THÀNH PHẦN: 10% SỮA

30

48

1.7424 kg (48 gói x 36,3 g)

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

ORION®
Chocopie®
Bánh Chocopie

THÀNH PHẦN: 10% SỮA

100

48

1.7424 kg (48 gói x 36,3 g)

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

ORION®
Chocopie®
Bánh Chocopie

THÀNH PHẦN: 10% SỮA

48

1.7424 kg (48 gói x 36,3 g)

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

TRỌNG LƯỢNG MỖI GÓI: 36,3 g

400

260

CP_ORL_BD48P_2412

BÁNH CHOCOPIE

- THÀNH PHẦN: BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHũ HỮA (471)), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHũ HỮA (492, 322(i))), BỘT CACAO (2.8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(iii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP BỘT CACAO VÀ BƠ CACAO (0.2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(ii)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHũ HỮA (322(i), 476), MUỐI I-ÔT, PROTEIN SỮA.
- SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU: SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- NGÀY SẢN XUẤT: ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINH.
- (M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
- (Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
- KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BÀN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM.
- BẢO QUẢN NƠI KHỎ RẮO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.
- KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SƠ VỚI GÓI 33 g.



8936029420111

KHỐI LƯỢNG TỊNH:

1,7424 kg (48 gói x 36,3 g)



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần
Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ):

SĐT: 1900.63.36.37

BÁNH CHOCOPIE



- THÀNH PHẦN: BỘT MÌ, ĐƯỜNG, MẠCH NHA GLUCOSE, SHORTENING THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (492, 322(ii))), CHẤT BÉO THỰC VẬT (CÓ CHỨA CHẤT NHỮ HÓA (492, 322(ii))), BỘT CACAO (2,8%), SỮA BỘT NGUYÊN KEM, TRỨNG, CHẤT TẠO XỐP (500(ii), 503(ii)), ĐƯỜNG DEXTROSE, GELATIN, MUỐI, HỖN HỢP CHẤT BẢO VỆ VÀ BỘT CACAO (0,2%), CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 415), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (341(ii)), HƯƠNG LIỆU TỔNG HỢP (VANI), CHẤT NHỮ HÓA (322(i), 476), MUỐI I-ỐT, PROTEIN SỮA.
- SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN SAU: SỮA, LÚA MÌ, TRỨNG VÀ ĐẬU NÀNH.
- NGÀY SẢN XUẤT: ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/ THÁNG/ NĂM).
- HẠN SỬ DỤNG: 10 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.
- SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.
(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.
(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.
KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.
- THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.
- XUẤT XỨ: VIỆT NAM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
- DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI.
- KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI ĐÃ HẾT HẠN HOẶC CÓ DẤU HIỆU MỐC HAY HƯ HỎNG.
- (*) TĂNG 10% KHỐI LƯỢNG BÁNH SO VỚI GÓI 33 g.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Khẩu phần 1 gói (36,3 g)

Hàm lượng dinh dưỡng cho mỗi khẩu phần
Năng lượng 160 kcal

Chất béo	6 g
Natri	110 mg
Carbohydrat	24 g
Đường tổng số	12 g
Chất đạm	2 g

KHỐI LƯỢNG TỊNH:

3,63 kg (100 gói x 36,3 g)



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 - 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ):
SĐT: 1900.63.36.37



38936036020404





Report N°: 0000792851

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/01/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2412A-1910

Đơn hàng: 2412A-1910

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Orion ChocoPie
Chú thích của khách hàng : Bánh ChocoPie

Sampling date : 13.12.2024

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 02 full labeled paper containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2412A-1910.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : December 14, 2024
Ngày nhận mẫu : 14/12/2024

Testing period : December 14, 2024 - December 25, 2024
Thời gian thử nghiệm : 14/12/2024 - 25/12/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 t(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000792851

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	3.0x10 ¹	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms Coliform tổng	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Salmonella spp. Salmonella spp.	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected Không phát hiện	0.8	-	cfu/25g	
4. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	
5. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000792851

Page N° 3/4

MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000792851

Page N° 4/4

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000792856

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/01/2025

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2412A-1910

Đơn hàng: 2412A-1910

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Orion ChocoPie
Chú thích của khách hàng : Bánh ChocoPie

Sampling date : 13.12.2024

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 02 full labeled paper containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2412A-1910.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : December 14, 2024
Ngày nhận mẫu : 14/12/2024

Testing period : December 14, 2024 - December 25, 2024
Thời gian thử nghiệm : 14/12/2024 - 25/12/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000792856

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
2. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	0.011	0.005	0.01	mg/kg	
3. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	<0.01	0.005	0.01	mg/kg	
4. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCs, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCs, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000792856

Page N° 3/4

và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đây ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0000792856

Page N° 4/4

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



SGS

Report N°: 0000792859

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/01/2025

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2412A-1910

Đơn hàng: 2412A-1910

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Orion ChocoPie
Chú thích của khách hàng : Bánh ChocoPie

Sampling date : 13.12.2024

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 02 full labeled paper containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2412A-1910.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : December 14, 2024
Ngày nhận mẫu : 14/12/2024

Testing period : December 14, 2024 - December 25, 2024
Thời gian thử nghiệm : 14/12/2024 - 25/12/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000792859

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/kg	
2. Aflatoxin B1 Aflatoxin B1	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
3. Aflatoxin B2 Aflatoxin B2	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
4. Aflatoxin G1 Aflatoxin G1	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
5. Aflatoxin G2 Aflatoxin G2	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
6. Deoxynivalenol Deoxynivalenol	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	3	10	µg/kg	
7. Ochratoxin A Ochratoxin A	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
8. Zearalenone Zearalenone	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	1	3	µg/kg	
9. Aflatoxin M1 Aflatoxin M1	LFOD-TST-SOP-8427	Not Detected Không phát hiện	0.003	0.01	µg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
 appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
 extent of the law.



Report N°: 0000792859

Page N° 3/4

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

- _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000792859

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000792889

Page N° 1/6

Ho Chi Minh City, Date: January 03, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 03/01/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2412A-1910

Đơn hàng: 2412A-1910

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Orion ChocoPie
Chú thích của khách hàng : Bánh ChocoPie

Sampling date : 13.12.2024

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 02 full labeled paper containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2412A-1910.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : December 14, 2024
Ngày nhận mẫu : 14/12/2024

Testing period : December 14, 2024 - December 25, 2024
Thời gian thử nghiệm : 14/12/2024 - 25/12/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000792889

Page N° 2/6

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 1871:2009	4.46	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
2. Ash <i>Tro</i>	NMKL No.173	1.04	0.02	0.06	g/100g	
3. Moisture (105 °C) <i>Độ ẩm (105 °C)</i>	AOAC 925.45	13.03	0.1	0.35	g/100g	
4. Total carbohydrate <i>Cacbohydrat tổng</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(Δ)	64.51	-	-	g/100g	
5. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) <i>Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)</i>	AOAC 991.43	1.36	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
6. Calories - United States (US) market <i>Năng lượng - Thị trường Mỹ (US)</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases	429	-	-	kcal/100g	
7. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) <i>Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	16.9588	0.0001	0.0003	g/100g	
8. Saturated fatty acids (SFA) <i>Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	11.5002	0.0001	0.0003	g/100g	
9. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) <i>Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0522	0.0001	0.0003	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 12 Aug, 2024

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000792889

Page N° 3/6

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
10. Total sugars (sum of Fructose, Glucose, Lactose, Maltose, and Sucrose) <i>Đường tổng (tổng của Fructoza, Glucoza, Lactoza, Maltoza, và Sucoza)</i>	AOAC 2018.16	35.3	_(a)	_(a)	g/100g	
11. Glucose <i>Glucoza</i>	AOAC 2018.16	3.38	0.03	0.1	g/100g	
12. Maltose <i>Maltoza</i>	AOAC 2018.16	2.16	0.03	0.1	g/100g	
13. Fructose <i>Fructoza</i>	AOAC 2018.16	0.391	0.03	0.1	g/100g	
14. Sucrose <i>Sucoza</i>	AOAC 2018.16	28.8	0.03	0.1	g/100g	
15. Lactose <i>Lactoza</i>	AOAC 2018.16	0.599	0.03	0.1	g/100g	
16. Cholesterol <i>Cholesterol</i>	LFOD-TST-SOP-8554	5.5	0.3	1	mg/100g	
17. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) <i>Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/100g	
18. Vitamin D2 (ergocalciferol) <i>Vitamin D2 (ergocalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	
19. Vitamin D3 (cholecalciferol) <i>Vitamin D3 (cholecalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	
20. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	219	0.5	1	mg/100g	
21. Calcium (Ca) <i>Canxi</i>	AOAC 2011.14	44	0.5	1	mg/100g	
22. Iron (Fe) <i>Sắt</i>	AOAC 2011.14	2.5	0.025	0.05	mg/100g	
23. Potassium (K) <i>Kali</i>	AOAC 2011.14	136	0.5	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000792889

Page N° 4/6

Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (*) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (*) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (US) Carbohydrate (total) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases).
(U) Hệ số của carbohydrate tổng: 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003) & Cơ sở dữ liệu dinh dưỡng thực phẩm quốc gia của USDA).
- Total carbohydrate was calculated as sum of available carbohydrate, insoluble dietary fiber IDF and high molecular weight soluble dietary fiber HMW SDF with assuming that there was no Low molecular weight soluble dietary fiber LMW SDF as client confirmed.
Carbohydrate tổng được tính từ tổng số của carbohydrate hữu hiệu với xơ không hòa tan IDF và xơ hòa tan phân tử lượng cao HMW SDF với giả định rằng mẫu không có chứa xơ hòa tan phân tử lượng thấp LMW SDF theo xác nhận của khách hàng.
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000792889

Page N° 5/6

- _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000792889

Page N° 6/6

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



VLAT 1.0977
ISO/IEC 17025:2017

VILAS 237

Report N°: 2501030094



Page N°: 1/ 3

Ho Chi Minh City, Date: December 25, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/12/2024

APPENDIX

PHỤ LỤC

Sample ID: 2412A-1910.001: Orion ChocoPie
Bánh ChocoPie

JOB NO.: 2412A-1910

Đơn hàng: 2412A-1910

NUTRITION FACT TABLE APPENDIX I (US MARKET)

Nutrition Facts ^(Δ)	
1 serving per container	
Serving size	36.3 g
Amount per serving	
Calories	160
	% Daily value *
Total Fat 6g	8%
Saturated Fat 4g	21%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 80mg	3%
Total Carbohydrate 23g	9%
Dietary Fiber 0g	0%
Total Sugars 13g	
includes 13g Added Sugars	26%
Protein 2g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 0mg	0%
Iron 0.9mg	6%
Potassium 0mg	0%
* The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice	

^(Δ) for reference only. Clients will be responsible for the final formats of nutrition fact label declared on the actual products.

Added sugars value was provided by clients

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

NUTRITION FACT TABLE APPENDIX II (US MARKET)

Nutrition Facts ^(Δ)	
1 serving per container	
Serving size	100 g
Amount per serving	
Calories	430
	% Daily value *
Total Fat 17g	22%
Saturated Fat 12g	58%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 5mg	2%
Sodium 220mg	10%
Total Carbohydrate 65g	23%
Dietary Fiber 1g	5%
Total Sugars 35g	
includes 35g Added Sugars	71%
Protein 4g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 40mg	4%
Iron 2.5mg	15%
Potassium 140mg	2%
* The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice	

^(Δ) for reference only. Clients will be responsible for the final formats of nutrition fact label declared on the actual products.

Added sugars value was provided by clients

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
 Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
 Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
 Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at
<https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.